

Bản án số: 168/2019/HS-PT

Ngày: 19/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các thẩm phán: Ông Hà Văn Nâu.

Ông Nguyễn Gia Lương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 19/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 214/TLPT-HS ngày 18/9/2019 đối với các bị cáo Hoàng Văn G, Nguyễn Văn V, Nguyễn Tiến T do có kháng cáo bị cáo Hoàng Văn G, Nguyễn Văn V, Nguyễn Tiến T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 56/2019/HSST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Văn G**. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh năm 1988; Nơi sinh: Xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Họ và tên cha: Hoàng Văn N (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1944; Gia đình có 06 anh chị em, bản thân là thứ sáu; Họ và tên vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015; Bị cáo thuộc diện hộ nghèo tại địa phương. Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2011/HSST ngày 16/6/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã xử phạt Hoàng Văn G 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 28/01/2014, G đã chấp hành xong hình phạt tù. Tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm G đã chấp hành xong ngày 29/8/2011.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HS-ST ngày 01/3/2018, Tòa án nhân dân huyện L đã xử phạt Hoàng Văn G 03 năm 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi

giam”. Ngày 10/5/2018, Tòa án nhân dân huyện L ra Quyết định thi hành án hình phạt tù số 18/2018/QĐ-CA đối với G.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2017 đến ngày 30/8/2017 thì trốn khỏi nơi giam. Hiện bị cáo chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang trong vụ án Trốn khỏi nơi giam có mặt tại pH tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn V**. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1998; Nơi sinh: Xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Họ và tên cha: Nguyễn Văn V, sinh năm 1967; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; Gia đình có 03 anh em, bản thân là thứ hai; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Chưa có

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2017 đến nay. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang có mặt tại pH tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Tiến T**. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1987; Nơi sinh: Xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; họ và tên cha: Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1956; họ và tên mẹ: Đỗ Thị N, sinh năm 1957; Gia đình có 03 chị em, bản thân là thứ ba; bị cáo chưa có vợ, con; bị cáo thuộc diện hộ nghèo tại địa phương. Tiền án, tiền sự: Chưa có

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2012/HS-ST ngày 24/10/2012, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Tiến T 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 19/5/2013, T đã chấp hành xong hình phạt tù; ngày 13/11/2013, T đã chấp hành xong án phí HSST theo phiếu thu số 1036.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2017 đến nay. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang có mặt tại pH tòa.

- *Trợ giúp pháp lý cho bị cáo Nguyễn Tiến T:* Ông Thân Văn L và bà Thân Thị Thúy V- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Giang, V, Luyến:* Bà Trần Hồng P, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thùy T- Luật sư thuộc Công ty luật TNHH thực hành luật Nguyễn C, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị hại:

1. Anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Ngô Văn P, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy Q của anh Ngô Văn P: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963. Vắng mặt.

Trú quán: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Đường Thị Tú U, sinh ngày 26/01/2001. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn H, xã Cg, huyện B, tỉnh Lạng S.
 3. Chị Dương Thị H, sinh ngày 23/4/2001. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn P, xã N, huyện B, tỉnh Lạng S.
 4. Chị Nguyễn Thị Hoài L, sinh năm 2002. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
 5. Chị Dương Thị Thu T, sinh ngày 20/6/2002. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
 6. Chị Kiều Thị Vân G, sinh ngày 06/5/2002. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
 7. Anh Bùi Quang S, sinh năm 1995. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
 8. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
 9. Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1974. Có mặt.
 Trú tại: Thôn R, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
 10. Anh Nguyễn Như N, sinh năm 1974. Vắng mặt.
 Trú quán: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang
 11. Anh Nguyễn Như Tuấn A, sinh năm 1996. Vắng mặt.
 Trú quán: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1997. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
 2. Chị Đường Thị Tú U, sinh ngày 26/01/2001. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn H, xã Cg, huyện B, tỉnh Lạng S.
 3. Chị Dương Thị H, sinh ngày 23/4/2001. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn P, xã N, huyện B, tỉnh Lạng S.
 4. Chị Nguyễn Thị Hoài L, sinh năm 2002. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
 5. Chị Dương Thị Thu T, sinh ngày 20/6/2002. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
 6. Chị Kiều Thị Vân G, sinh ngày 06/5/2002. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
 7. Anh Bùi Quang S, sinh năm 1995. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
 8. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
 9. Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1974. Vắng mặt.
 Trú tại: Thôn R, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
 10. Anh Nguyễn Như N, sinh năm 1974. Vắng mặt.
 Trú quán: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang
 11. Anh Nguyễn Như Tuấn A, sinh năm 1996. Vắng mặt.
 Trú quán: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang
 12. Anh Vũ Văn T (Vũ Văn Á), sinh năm 1987. Vắng mặt.
 Trú quán: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang
 13. Anh Tống Văn C, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Trú quán: Phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pH tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1997, trú tại thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang đi hát karaoke và có quen với nhân viên đi hát tên là Đường Thị Tú U, sinh ngày 26/01/2001, trú tại thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng S đang làm việc cho Hoàng Văn G, sinh năm 1988, trú tại thôn K, xã T, huyện L thuê nhà trọ ở thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khi có số điện thoại thì Đ đã nảy sinh tình cảm với U và nhắn tin cho U rồi hẹn với U là sẽ chuộc U ra ngoài đi làm với Đ, nhưng U cũng do dự và có kể với các chị em nhân viên cùng làm, sau đó Giang nghe được điện thoại của U nói chuyện với Đ nên đã hỏi U và bảo U nhắn tin để Đ mang tiền đến chuộc rồi đóng kịch chiếm đoạt lấy tiền và đánh cho Đ một trận. Giang đã nói với Nguyễn Văn V sinh năm 1998 là người quản lý và đưa đón nhân viên đi làm tại các quán karaoke là khi nào anh Đ đến thì V mở cửa để Đ vào, nếu Đ đưa tiền thì nhận lấy 3.000.000đ. G còn điện cho Bùi Quang S sinh năm 1995 ở thôn N, xã T, huyện L và nhắn tin cho Nguyễn Tiến T, sinh năm 1987 ở thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang bảo đến quán có việc.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18/7/2017 thì Đ đi xe mô tô đến cửa nhà trọ của Hoàng Văn G, trước khi đi Đ rủ thêm bạn xã hội là anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1997, trú tại thôn H, xã K, huyện L. Q gọi thuê xe ta xi của anh Ngô Văn P, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã T, huyện L từ ngã tư Thân, thị trấn Đồi Ngô, huyện L đi sau và đợi ở ngoài. Thấy cửa khóa nên anh Đ đã gọi cửa thì V ra mở cửa đưa Đ vào ngồi ở ghế salon trong nhà, bên trên gác xép có Đường Thị Tú U; Dương Thị H; Nguyễn Thị Hoài L; Dương Thị Thu T và Kiều Thị Vân G, ngồi chơi, ngăn cách với phòng khách là chiếc rèm mỏng. Sau khi Đ vào, V gọi U xuống, U cầm theo túi xách đi xuống và có nhân viên Dương Thị H đi xuống cùng. Lúc này trong phòng khách có Đ, H, V, U thì Đ lấy tiền ra đếm để đưa cho V, khi Đ đang đếm tiền thì G từ trong phòng ngủ sát phòng khách đi ra tay cầm súng tự chế (G không khai nhận cầm súng mà khai cầm đoạn gỗ cong kiểu súng), G nói “Mày là thằng nào vào đây làm gì”, tay phải G cầm súng gi vào đầu của Đ, sợ quá Đ cất tiền vào túi quần và chào G. Đi sau G từ trong phòng ra có Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 ở thôn K, xã T, huyện L. H bỏ lên gác xép, còn G đã dùng chân tay đánh, đập vào mặt Đ làm anh Đ ngã ngồi xuống ghế làm mũ lưỡi trai màu trắng Đ đội rơi xuống nền nhà, G nhặt mũ để lên bàn. Ngay lúc này thì có Nguyễn Tiến T và Bùi Quang S đến, T cầm 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 60cm, đầu lưỡi dao vát nhọn và nói với Đ “Mày định vào đây cướp nhân viên à, ai bảo mày vào đây”, T dùng chân đá vào mặt của Đ, còn S thấy Đ quen nên nói không đánh Đ nữa, có chuông điện thoại của Đ reo lên, G giật điện thoại làm rơi xuống nền nhà và bung ra. Sau đó G, T hỏi Đ đi vào đây cùng ai, Đ nói có và bị G bắt gọi vào nhà, Đ lấy điện thoại có lắp pin do S cho mượn để gọi Q vào. V đi ra đón xe còn trong nhà G bảo mọi người nấp đi. Khoảng 10 phút sau thì xe của Q đi đến, Q mở cửa xe đi vào nhà, người cởi trần, mặc quần

ngổ vào trong nhà thì G và nhóm bạn đi ra, G gi súng vào đầu Q nói “Mày là thằng nào, ở đâu vào”, Q nói “Em là em của anh C ở ngoài L vào”, G bắt Q ngồi xuống ghế. Bên ngoài anh Ngô Văn P xuống đóng cửa xe và lên xe ngồi thì bị V ra xe lôi vào, anh P phản kháng thì G, Trọng, T, S đi ra, S đã vật P ngã xuống đất thì V lôi vào nhà, anh P đã dùng tay bám vào cửa xếp của ngôi nhà thì bị G dùng 01 con dao loại dao có chuôi màu đen, lưỡi dao màu trắng đầu dao nhọn, dao làm bằng kim loại có chiều dài 21cm cửa vào mu bàn tay trái làm bị thương chảy máu, vào trong nhà anh P sợ hãi đã quỳ xuống xin nhưng anh P bị V, G, T, Trọng đánh vào người, vào mặt, G dùng súng tự chế đập vào trán của anh P làm chảy máu. Lúc này có Hoàng Văn B là anh ruột của G đến, đầu đội mũ cối, Bưng vào tát cho Đ, P, Q mỗi người một phát, có cầm gậy và dao mang ra ngoài vút rồi bỏ ra về. Sau đó S cũng bỏ ra về. Còn lại có G, T, V, Trọng và 05 nhân viên, cùng 3 người nhóm của Đ. G và T, V lại đánh anh P, thấy anh P ra nhiều máu nên G bảo T, V đưa ra giếng rửa rồi quay vào G đã bắt từng người nhóm Đ cầm dao của T để G dùng điện thoại iphone 5 của Kiều Thị Vân G chụp lại để nếu ba người này kiện thì G đưa ra làm bằng chứng chính ba người đến nhà cướp. Do P không làm theo nên G đã dùng chân tay đánh tiếp làm rơi ví và điện thoại ra nền nhà, P nhặt và để lên bàn, lúc đó có điện thoại đổ chuông, P xin nghe thì G đã cầm điện thoại ở bàn đập vào mặt của P làm điện thoại rơi xuống nền nhà và vỡ màn hình, anh P lại chảy nhiều máu nên G lại bảo T đưa ra rửa, rồi thay quần áo. Tại bàn uống nước G nói “Đứa nào còn tài sản thì bỏ ra”, Đ sợ hãi đã móc tiền trong túi quần ra được 4.150.000đ, G cầm cất vào túi quần, còn điện thoại Đ để vào mũ lưỡi trai màu trắng trên bàn, Q bỏ ra hai điện thoại, còn điện thoại và ví tiền của P vẫn ở trên bàn. G đã gạt hết đồ vào mũ lưỡi trai và cho vào túi bóng buộc lại rồi gọi nhân viên Trang xuống đưa bảo mang lên gác xếp cất. G đã bảo nhân viên xuống dọn phòng ngủ, khi xong G đưa cả 3 người nhóm Đ vào phòng, rồi nhân viên và V ở ngoài dọn phòng khách, dọn vết máu, G bảo V mang bia, đá vào, T bên trong rót bia vào khay đá rồi đổ ra cốc để uống. G nói với Đ “Thế em định thế nào”, Đ nói, tiền em đưa anh rồi, em cho anh. G gọi nhân viên Trang cầm túi bóng đựng tài sản xuống, G bỏ ra trả lại điện thoại còn ví của P, G lấy tiền ra đếm và hỏi P có bao nhiêu, P nói có vài triệu, G nói chỉ có 600.000đ, rồi lấy hết và trả lại ví (P khai trong ví có 7.000.000đ). sau đó P xin được về thì G bảo xe ô tô bị xịt lốp phụ bánh trước rồi đưa cho T 200.000đ để đưa P đi sửa. Do có khách gọi đi hát nên V và Trọng đưa 4 nhân viên đi làm. Cả T và P cùng nhau đi ra chỗ sửa xe của anh V Văn Tâm (V văn Âm) sinh năm 1987 ở thôn B, xã B, huyện L và sửa lốp hết 100.000đ. Ở nhà trọ thì G nói với Q gọi cho Châm đúng là em thì tha, sau đó Châm có gọi lại nên G không chiếm đoạt tài sản gì của Q. Còn về Đ, G nói “Giờ mày tính thế nào”, Đ trả lời “Cho em xin, em biết lỗi rồi” G nói “Không lỗi làm gì hết, giờ tao chỉ đánh vào kinh tế thôi”, Đ nói “Tiền em đưa hết cho anh rồi, giờ còn gì nữa đâu” G nói “Mày đi vào đây bằng cái gì”, Đ nói là xe máy và nói cầm cho G, nhưng G chỉ lấy tiền và dọa tháo khớp tay. Đúng lúc đó thì anh Nguyễn Như N, sinh năm 1974 ở thôn Đ, xã L, huyện L đến và đi vào phòng nói với G xin cho Đ nhưng G không nghe, Đ nói với Nhật “Ông cứu con

với”, sau đó Nhất quay ra về vay tiền được 4.000.000đ toàn tiền 500.000đ và đưa cho con trai Nguyễn Như Tuấn A (bạn của Đ) mang đến đưa cho Đ và Đ đưa cho G, cùng lúc đó T và P sửa xe về. Đ, P và Q xin được về, G Đ ý cho về và đe dọa cả ba người nào là giết cả nhà, nào là tổ ba người đến cướp, nào là vất ma túy vào xe của P. Đi ra ngoài Đ đi xe máy đến nhà anh Nhất ngủ, còn P chờ Q về L. Số tiền G chiếm đoạt được đã chia cho U 3.000.000đ, chia cho Trang 400.000đ, G đưa một ít cho V để đưa anh em, nhân viên đi ăn uống hết, phần còn lại G đã tiêu hết. G dặn nhân viên không nói gì và ai hỏi cũng nói không biết. U chia cho H và G mỗi người 1.000.000đ, cả ba người cũng đã tiêu hết số tiền này.

Ngày 26/7/2017 và ngày 27/7/2017, anh Ngô Văn Đ và anh Ngô Văn P đã làm đơn trình báo Công an huyện L về việc bị G và nhóm bạn đánh rồi chiếm đoạt tài sản vào tối ngày 18/7/2017.

Sau khi xác minh rõ vụ việc đến ngày 28/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã bắt khẩn cấp đối với Hoàng Văn G, Nguyễn Tiến T và Nguyễn Văn V về hành vi cướp tài sản. Thu giữ của G gồm: 01 Đ hồ đeo tay Aolix-AL 7048G, 01 ví da màu đen đã cũ có 2.450.000đ, 01 điện thoại di động iphone 6 màu trắng đã qua sử dụng, 01 dao bấm có chuôi màu đen, lưỡi dao màu trắng đầu dao nhọn, dao làm bằng kim loại có chiều dài 21cm; thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia vỏ màu đen đã qua sử dụng; thu giữ của V 01 điện thoại nhãn hiệu samsung galaxy note 3 vỏ màu trắng. Sau khi kiểm tra các điện thoại này Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không thu được thông tin gì liên quan đến vụ án.

Tại biên bản khám xét khẩn cấp nơi trú của Hoàng Văn G ở thôn B, xã B, huyện L, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện L đã thu giữ nhiều loại hung khí: Dao, kiếm, gậy gỗ, bình xịt, thanh giáo, thanh kim loại hình trụ tròn, báng gỗ hình bệ nòng súng tự chế... có đặc điểm, kích thước nêu trên phần vật chứng.

Sau khi thu giữ điện thoại của Đường Thị Tú U và điện thoại của Kiều Thị Vân G đến ngày 29/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành lập biên bản kiểm tra điện thoại của U và điện thoại của Kiều Thị Vân G. Kết quả kiểm tra điện thoại của U xác định có việc U đã nhắn tin với Đ để Đ mang tiền đến chuộc; tại điện thoại của Vân G có 05 ảnh của Đ, P và Q đang cầm dao được chụp vào ngày 18/7/2017.

Ngày 17/8/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành thực nghiệm điều tra nhằm kiểm tra khả năng nghe nhìn của người người liên quan, người làm chứng đã khai nhận. Kết quả thực nghiệm cho thấy các tình tiết sự việc diễn ra đúng với thứ tự các tình tiết trong lời khai của người làm chứng, người liên quan, bị hại. Vị trí gác xếp nơi các nhân viên ngồi hoàn toàn có thể nghe, nhìn đầy đủ nội dung sự việc xảy ra tại bàn uống nước. Với diện tích, khoảng cách và các đồ vật tại phòng khách thì khi sự việc xảy ra mọi người có mặt đều có khả năng nhìn thấy, nghe rõ và biết rõ sự việc vì không có vật che khuất. Tại biên bản nhận dạng ngày 03/9/2017, Hoàng Văn G đã nhận ra chính xác con dao nhọn, loại dao bấm làm bằng kim loại dài 21cm, phần tay cầm màu đen, lưỡi dao màu trắng sắc nhọn

mà G đã sử dụng vào tối ngày 18/7/2018; Đ thời ngày 11/5/2018, Nguyễn Văn V cũng đã nhận dạng chính xác con dao nhọn mà G đã sử dụng.

Quá trình điều tra Hoàng Văn G, Nguyễn Văn V, Nguyễn Tiến T, ban đầu đã thừa nhận hành vi phạm tội. Cáo trạng số 35/CT-VKSLN ngày 25/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố Hoàng Văn G, Nguyễn Văn V và Nguyễn Tiến T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 56/2019/HSST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định: 1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn G, Nguyễn Văn V, Nguyễn Tiến T phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 133; Điều 20; Điều 53; Điều 51; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Hoàng Văn G 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2017 nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2017 đến ngày 30/8/2017.

Tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “ Trốn khỏi nơi giam” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HSST ngày 01/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện L. Buộc bị cáo Hoàng Văn G phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2017 nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2017 đến ngày 30/8/2017.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 133; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Văn V 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 28/7/2017.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 133; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Tiến T 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 28/7/2017.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên vêtrách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và Q kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 12/8/2019 bị cáo Nguyễn Tiến T có đơn kháng cáo; ngày 20/8/2019 bị cáo Hoàng Văn G, Nguyễn Văn V kháng cáo đều cùng nội dung: kêu oan.

Tại pH toà phúc thẩm: các bị cáo G, V, T vẫn giữ nguyên nội udng kháng cáo kêu oan. Các bị cáo trình bày:

Bị cáo Hoàng Văn G trình bày: Bị cáo không được bàn bạc với U và bị cáo V, bị cáo không cầm súng, không cầm dao, không đánh và bị cáo không cầm dao cửa vào mu bàn tay trái của anh P, bị cáo không biết nguyên nhân vì sao tay anh P bị chảy máu. Bị cáo không cầm tiền của anh Đ đút vào túi. Bị cáo không đánh anh P bằng hung khí mà bị cáo thừa nhận chỉ dùng chân tay không để đánh anh P. Về số tiền bị hại yêu cầu trả lại bị cáo khai là do các bị hại cho, anh Đ cho 4.000.000 Đ, anh P cho 2.000.000 Đ số tiền này là cho bị cáo và các nhân viên. Nay các bị hại yêu cầu trả lại bị cáo chỉ Đ ý trả lại anh Đ 4.000.000 Đ, anh P 2.000.000 Đ. Bị cáo

không thừa nhận việc dùng súng tự chế để buộc người bị hại, người liên quan bỏ tài sản ra và đưa tiền cho bị cáo. Bị cáo không thừa nhận việc đe dọa anh Đ buộc anh Đ phải nhờ người cầm cố xe vay tiền. Việc chụp ảnh anh Đ, P, Q là do bị cáo chụp chỉ để làm kỷ niệm. Bị cáo cũng không thừa nhận về các thương tích ở mồm, mặt của anh P. Bị cáo cho rằng anh P chỉ có 2.000.000 Đ rơi từ trong ví ra chứ anh P không có 7.000.000 Đ.

Bị cáo Nguyễn Văn V trình bày: Bị cáo khai về việc làm quản lý cho G chở nhân viên, thu tiền. Bị cáo thừa nhận có đánh anh P nhưng chỉ là hành vi chống trả lại khi bị anh P đá lại, ngoài ra bị cáo không Đ ý với lời khai của anh Q tại pH tòa. Bị cáo khai nhận không đánh anh Đ và anh Q mà chỉ đánh anh P, do anh P có đập bị cáo, ngoài ra bị cáo không có hành vi đánh ai khác. Bị cáo không thừa nhận chối bỏ việc bị cáo G bảo mở cửa cho anh Đ và nhận số tiền 3.000.000 Đ, bị cáo không biết chỉ thấy anh Đ ngồi ở bàn uống nước. Bị cáo không thừa nhận và không Đ ý với lời khai của anh Q. Bị cáo khai không lấy tiền của anh P và anh Đ, bị cáo không được ăn chia số tiền, bị cáo không biết về hành vi của bị cáo T và bị cáo G, bị cáo khai trong nhà mọi người chỉ ngồi nói chuyện. Bị cáo không thấy bị cáo G cầm súng và không thấy bị cáo T cầm kiếm. Tài sản nào của anh P và anh Đ bị cáo không rõ ai chiếm đoạt.

Bị cáo Nguyễn Tiến T trình bày: Bị cáo không cầm kiếm, không đánh, không lấy tiền hay tài sản của ai. Bị cáo tự đến quán của bị cáo G chơi chứ không phải đến do bị cáo G nhắn tin. Bị cáo không thừa nhận việc dùng dao đe dọa anh Đ và anh P. Lý do bị cáo đánh anh Đ một cái vào vai là do anh Đ đến mang nhân viên đi bán nên bị cáo đã bực tức vì trước đó bị cáo đã biết anh Đ có ý định mua nhân viên nhưng bị cáo không Đ ý. Bị cáo cho rằng anh Q khai sai không đúng sự thật. Bị cáo có thừa nhận được bị cáo G đưa 200.000 Đ để đưa anh P đi vá lốp xe ô tô.

Tại pH tòa sơ thẩm, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan và là người làm chứng anh Nguyễn Trọng Q đã cam đoan khai nhận những nội dung đã khai tại pH tòa trước là đúng sự thật và khai nhận: Khi anh Q vào trong quán bị cáo G có cầm súng tự chế và gí súng vào đầu bắt anh ngồi xuống bàn. Trong quán có bị cáo T ngồi đối diện với anh Đ, còn bị cáo V và anh S ra xe ô tô lôi anh P vào quán. Bị cáo V cầm con dao dài khoảng 50cm loại dao mèo cầm ở tay phải, anh P bị lôi vào lúc đó anh P có chống cự lại đập vào người của bị cáo V, thì bị cáo V có hô hoán nên bị cáo G đã đi từ trong nhà ra thấy anh P đang vùng chạy nên có đập một cái vào người anh P, mọi người lôi anh P vào nhà thì tay anh P cầm bám vào cánh cửa, anh P giãy giụa đập vào đùi bị cáo G sau đó bị cáo G cầm một con dao bấm dài khoảng 10cm, loại dao màu đen cửa đâm vào mu bàn tay trái của anh P, lôi được anh P vào quán bị cáo T dùng chân đập vào mặt anh P, bị cáo G đập vào người anh P và bắt anh P phải quỳ xuống một lúc rồi bảo mày vào đây là gì, anh P trả lời anh là tài xế lái xe tắc xi. Bị cáo G có hỏi Q vào đây là gì sau đó anh trả lời anh Đ gọi vào đây chơi và liền bị cáo G tát một cái vào mặt bằng tay không, sau đó anh Bàng đến dùng chuôi dao tự chế có đầu dao bẹt, chuôi sắt dưới chuôi có quần băng dính đen thúc vào

ngực. Anh Bảg hỏi mảy vào đây cướp người à và bị anh Bảg thúc mấy cái vào người. Trong quán bị cáo G dùng vỏ dao mèo tự chế màu vàng dài khoảng 40cm đập vào mặt anh P, lúc đó bị cáo V ngồi bên cạnh anh P. Bị cáo G bắt ai có tài sản gì thì bỏ ra. G đã dùng súng hoa cải tự chế gí vào đầu anh P nói ai có tài sản gì phải bỏ ra. Q bỏ ra một điện thoại sam sung và một điện thoại nokia, anh Đ bỏ ra một điện thoại i phone và một điện thoại nokia đen trắng, anh P bỏ ra một điện thoại iphone 6 và một ví tiền. Lúc anh P bị đánh thì ví tiền rơi ra sau đó lại nhặt để lên bàn. Lúc đó bị cáo T đứng bên bị cáo G tay cầm dao tự chế màu đen, lưỡi màu trắng dài khoảng 20cm và T có nói ai kiện cáo gì giết cả nhà trong quán lúc đó có anh Đ, anh P, bị cáo G, bị cáo T, bị cáo V, anh Bảg và nhân viên ở trên gác có khoảng 5, 6 người chứng kiến sự việc. Bị cáo T là người lấy mũ của anh Đ vợ các tài sản vào mũ rồi cầm vào phòng bên trong, còn bị cáo G vẫn cầm súng đứng cạnh Q, bị cáo V ngồi cạnh anh Đ.

Tại pH tòa người làm chứng anh Hoàng Văn B khai: Anh không Đ ý với lời khai của anh Q. Anh Bảg khai nghe tin tại quán trọ của G có xô sát nên đã đến quán với mục đích để can ngăn khi đến anh Bảg có tát cho Đ, Q mỗi người một cái và thu hết dao gậy mang vứt ra ngoài rồi sau đó đi về. Anh Bảg không thừa nhận việc có dùng vỏ dao mèo thúc vào bụng anh Q.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành Q công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: án sơ thẩm xử các bị cáo Hoàng Văn G, Nguyễn Văn V, Nguyễn Tiến T về tội “Cướp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không có lý do chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo phát biểu bài bào chữa:

+ Luật sư Nguyễn Văn Đ trình bày quan điểm: Tại bút lục 03 chỉ có điều tra viên Bình và Mạnh có quyết định phân công điều tra viên vụ án, còn anh Q cán bộ điều tra không có trong quyết định, tuy nhiên trong hồ sơ cán bộ điều tra Q đã tiến hành ghi lời khai, tiến hành tố tụng vụ án. Các văn bản tố tụng, biên bản lấy lời khai không đóng dấu của điều tra viên, của cơ quan điều tra là vi phạm Điều 132 Bộ luật tố tụng hình sự, do vậy không coi là căn cứ để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo. Thời điểm phạm tội là 21 giờ ngày 18/7/2017, tuy nhiên thực nghiệm điều tra vào 15 giờ, thời gian thực nghiệm điều tra không tương ứng với thời gian xảy ra hành vi phạm tội, trái với Điều 204 Bộ luật tố tụng hình sự. Chị U và chị Linh không được tham gia thực nghiệm điều tra là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do vậy, việc thực nghiệm điều tra không triệu tập đầy đủ người có Q lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là không khách quan. Lời khai của bị hại, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có mâu thuẫn với nhau mà không được đối chất làm rõ. Việc lấy lời khai của anh Nguyễn Trọng Q, tại bút lục 257, 249, cùng một lúc, cùng một thời gian không thể lấy lời khai của cùng một người với nội dung khác nhau. Tại phiên tòa sơ thẩm, hầu hết người bị hại, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt, tuy nhiên những lời

khai này có sự mâu thuẫn với nhau, chưa được đối chất, do vậy không có căn cứ buộc tội các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản”, không đủ căn cứ khẳng định bị cáo G dùng súng uy hiếp các bị hại. Đối với bị cáo V: V không chiếm đoạt bất kỳ tài sản gì của anh P, G không nói cho V biết về việc được tiền hay không được tiền, V không được hưởng lợi gì. Đối với bị cáo T: không đủ căn cứ kết tội bị cáo T, do không có việc nhắn tin, gọi điện cho T xuống, T đi cùng S là do trên đường đi vô tình T gặp S, T không được hưởng lợi bất kỳ cái gì, G khẳng định không có việc gọi điện cho S, T xuống có việc. G, T, V không có sự bàn bạc, câu kết để đánh bị hại nhằm chiếm đoạt tiền của bị hại. Giữa kết luận điều tra, cáo trạng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện sự mâu thuẫn, không phản ánh đúng sự việc xảy ra. Do vậy, không có đủ căn cứ để cáo buộc 03 bị cáo G, T, V phạm tội “Cướp tài sản”. Mặt khác có nhiều vi phạm tố tụng nghiêm trọng, những người bị hại, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt nên không thể làm rõ được những tình tiết liên quan đến vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự hủy bản án sơ thẩm để trả hồ sơ vụ án điều tra lại.

+ Luật sư Trần Hồng P trình bày quan điểm: Nhất trí quan điểm của luật sư Đà, bổ sung căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự để hủy án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra lại. Đối với bị cáo V, không đảm bảo Q bào chữa, không có luật sư tham gia trong quá trình hỏi cung. Tham gia Hội Đ xét xử không đúng thành phần, tại bút lục 893 Hội thẩm nhân dân không đúng. Vi phạm nghiêm trọng của cơ quan truy tố, Viện kiểm sát huyện L ban hành cáo trạng số 35 truy tố các bị cáo về tội “Cướp tài sản”, công văn 699 tại bút lục 870 của Viện kiểm sát huyện L có nêu truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”, công văn số 19 giữ nguyên quan điểm truy tố tại cáo trạng 02, không có cáo trạng số 02 chỉ có cáo trạng số 35. Hai bị hại tại thời điểm xét xử đang ở nước ngoài, do vậy Tòa án huyện L không có Q xét xử mà phải chuyển lên cấp tỉnh xét xử. Tại bút lục 1032 được lập ngày 09/7/2019, anh P ủy Q cho bà Tới, căn cứ Điều 62 BLTTHS thì bị hại không có Q ủy Q cho người khác tham gia phiên tòa. Các bị cáo đều không khai nhận lấy tiền hay lấy tài sản gì của bị hại, theo quy định tại Điều 189 BLTTHS khi có lời khai mâu thuẫn thì phải tiến hành đối chất. Có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và điều tra chưa đầy đủ, cơ quan điều tra ngay từ ban đầu đã vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 358 BLTTHS hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

+ Luật sư Nguyễn Thùy T đồng ý với quan điểm của hai luật sư đồng nghiệp, không bổ sung gì.

Quan điểm của ông Thân Văn L, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo T: nhất trí quan điểm của các luật sư bào chữa cho bị cáo T, đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm để điều tra lại vì có nhiều mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo, bị hại, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng mà chưa được làm rõ.

Quan điểm của bà Thân Thị Thúy V, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo T: Do việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, do vậy đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm để điều tra lại. Nhất trí với quan điểm của các luật sư đã đưa ra.

Các bị cáo đều đồng ý với bài bào chữa của các luật sư và trợ giúp viên pháp lý.

Kiểm sát viên đối đáp với quan điểm của các luật sư và trợ giúp viên pháp lý:

Về vấn đề vi phạm tố tụng: Các văn bản tố tụng thì cán bộ điều tra đã thực hiện đúng theo mẫu, biên bản lấy lời khai không phải đóng dấu, chỉ có văn bản tố tụng mới phải đóng dấu. Thực nghiệm điều tra đảm bảo khách quan, không có vi phạm, thực nghiệm điều tra trên cơ sở lời khai của bị cáo và bị hại để thực nghiệm lại hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về việc lời khai của bị hại, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng còn nhiều mâu thuẫn (màu sắc hung khí của khẩu súng, việc cầm dao của bị cáo...): Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì lời khai của người làm chứng, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan thì đều xác định các bị cáo có sử dụng hung khí, có cầm dao, cầm súng tự chế. Lời khai này phù hợp với việc khám xét chỗ ở của các bị cáo, khi nhận dạng hung khí thì các bị cáo đều nhận được hung khí đã sử dụng. Lời khai của anh Q và chị U hoàn toàn khách quan, lời khai này phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nên là một trong những căn cứ để kết tội đối với các bị cáo.

Những tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ, khách quan, Viện kiểm sát tỉnh không đồng ý quan điểm của các luật sư và trợ giúp viên pháp lý về việc hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

Thiếu quyết định phân công cán bộ điều tra là có, cơ quan điều tra cấp sơ thẩm phải rút kinh nghiệm. Căn cứ Điều 133 BLTTHS không quy định biên bản lấy lời khai phải đóng dấu mà chỉ cần ghi đầy đủ theo mẫu.

Hành vi của các bị cáo đã hoàn thành ngay khi lấy tài sản của các bị hại. Các bị cáo bị truy tố theo điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS, trong quá trình điều tra đã đảm bảo Q bào chữa cho các bị cáo.

Bị hại anh P, anh Đ: Trong quá trình điều tra đã đi xuất khẩu lao động, không có mặt tại địa phương. Tuy nhiên trong quá trình điều tra thì những người bị hại này đã có lời khai ở trong hồ sơ, những người bị hại đi xuất khẩu lao động ở đâu, đi làm việc ở đâu không có mặt ở địa phương và chưa xác minh được chính xác. Do vậy, thẩm Q xét xử của cấp huyện là đúng.

Theo Bộ luật dân sự, bị hại có Q ủy Q cho người khác có đủ năng lực hành vi dân sự tham gia phiên tòa.

Các luật sư, trợ giúp viên pháp lý, các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Lời nói sau cùng của các bị cáo G, V, T: Bị cáo G đề nghị xét xử đúng tội danh cho bị cáo; bị cáo V đề nghị xét xử đúng người, đúng tội; bị cáo T đề nghị xét xử đúng người, đúng tội, bị cáo bị oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn G, Nguyễn Văn V, Nguyễn Tiến T nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

Tại phiên tòa các bị cáo cho rằng trong quá trình điều tra đã bị cán bộ điều tra viên ép cung, mớm cung, kiểm sát viên cho các bị cáo ký vào bản giấy trắng, các bị cáo đã gửi đơn đến nhà tạm giữ nhưng không được trả lời, nhưng tại pH tòa các bị cáo không đưa ra được các chứng cứ tài liệu nào để chứng minh. Tòa án đã triệu tập Điều tra viên đến phiên tòa để đối chất làm rõ kết quả không có việc bức cung, mớm cung như lời khai của các bị cáo. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cơ bản đã thực hiện đúng hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình tiến hành tố tụng Điều tra viên chưa thực hiện đầy đủ theo trình tự tố tụng quy định. Kiểm sát viên thực hiện Q kiểm sát điều tra chưa kiểm sát chặt chẽ quá trình điều tra của Điều tra viên nên vẫn còn một số vi phạm thủ tục tố tụng dẫn đến hồ sơ phải trả lại nhiều lần cần rút kinh nghiệm. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Viện kiểm sát, Tòa án cấp sơ thẩm có một số sai sót trong khâu đánh máy, soát xét văn bản tố tụng, tuy nhiên không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, không xâm phạm đến Q và lợi ích hợp pháp của các bị cáo, bị hại, do vậy cần rút kinh nghiệm. Theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật tố tụng hình sự thì không có quy định biên bản lấy lời khai phải đóng dấu của điều tra viên. Không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại do vi phạm thủ tục tố tụng như đề nghị của các vị luật sư và trợ giúp viên pháp lý.

Đối với bị hại, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đối với người bị hại, người làm chứng- anh Nguyễn Trọng Q Tòa án cấp phúc thẩm đã ban hành Quyết định dẫn giải người làm chứng, người bị hại đến phiên tòa, tuy NH họ hiện đi làm ăn xa và không có mặt tại địa phương nên cơ quan Công an không tiến hành dẫn giải được người làm chứng anh Q, người bị hại đến phiên tòa được. Xét thấy quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai của những người này lưu tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội Đ xét xử vẫn tiến hành xét xử, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của họ trong quá trình điều tra tại phiên tòa.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn G, Nguyễn Văn V, Nguyễn Tiến T thì thấy:

Qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của bị hại, lời khai của những người có Q lợi nghĩa vụ liên quan và lời khai của những người làm chứng tại pH tòa, phù hợp với tang vật thu giữ được về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy: Hồi 20 giờ 45 phút ngày 18/7/2017, tại nhà trọ ở thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang do Hoàng Văn G thuê, G đã bàn bạc với Nguyễn Văn V, nhắn tin cho Nguyễn Tiến T từ trước và ép nhân viên nữ nhắn tin để anh Ngô Văn Đ đến quán rồi cả ba đã dùng hung khí là dao, kiếm, tuýp sắt và loại V khí kiểu giống súng tự chế và dùng V lực

ngay tức khắc: Đấm, đá, đập, đập, gí súng vào anh Ngô Văn Đ và anh Ngô Văn P uy hiếp về mặt tinh thần làm cho bị hại sợ hãi phải quỳ xuống để van xin lâm vào tình trạng không thể chống cự được thì bị cáo G đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Đ số tiền 8.150.000 và của anh P là 2.000.000đ. Số tiền chiếm được G đã chia cho nhân viên một phần, còn lại G đã chi tiêu hết.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm Q sở hữu về tài sản của người khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, lời khai của các bị cáo là chối tội, khác biệt với lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra vụ án. Tuy nhiên những lời khai này không phù hợp với các tình tiết của vụ án, không phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người có Q lợi nghĩa vụ liên quan và lời khai của những người làm chứng tại phiên tòa, không phù hợp với tang vật thu giữ được về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của các bị cáo Hoàng Văn G, Nguyễn Văn V, Nguyễn Tiến T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2019/HS-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử các bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Những lý do kháng cáo kêu oan của các bị cáo đưa ra không có căn cứ để chấp nhận.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân, xâm phạm đến Q sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Do vậy cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, không cấu kết chặt chẽ mà là sự bàn bạc đơn thuần, nói với nhau để được giúp đỡ.

Bị cáo G là người có nhân thân xấu đã từng bị xét xử về tội cố ý gây thương tích chấp hành xong bản án ra trại bị cáo không lấy đây làm bài học mà lần này lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo G buộc nhân viên U do mình quản lý nhấn tin để lừa cho anh Đ mang tiền đến quán chuộc U rồi chiếm đoạt tiền của anh Đ và đánh anh Đ bị cáo đã sử dụng những hung khí nguy hiểm súng, dao, kiếm, tuýp sắt đánh gây thương tích cho anh P 10%, có hành vi đánh anh Đ làm cho các bị hại sợ hãi phải quỳ xin lỗi, phải cầm dao, kiếm để chụp ảnh, làm cho các bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được phải giao nộp tiền, tài sản cho bị cáo nên hành vi của bị cáo G giữ vai trò chính trong vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn V đã tích cực giúp sức bị cáo G, bị cáo là người mở cửa khi anh Đ đến, nhận tiền khi anh Đ đưa tiền chuộc nhân viên theo sự bàn bạc của bị cáo G, tham gia trực tiếp đánh, uy hiếp tinh thần đối với anh P. Bị cáo Nguyễn Tiến T mang dao đến quán, khi đến có hành vi đá vào người của anh Đ, bị cáo T có cầm dao đe dọa anh Đ, anh P uy hiếp mạnh về tinh thần giúp sức tích

cực cho bị cáo G làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được phải sợ hãi phải quỳ xuống van xin, tạo điều kiện thuận lợi để cho bị cáo G thực hiện được mong muốn của bản thân là chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản, tiền của bị hại nên hành vi của các bị cáo T, V giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra các bị cáo ban đầu có thái độ khai báo thành khẩn ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo đều không thừa nhận về hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, phủ nhận lời khai tại quá trình điều tra do đó các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Bản án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của các bị cáo, vai trò của các bị cáo, đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đã xử phạt đối với các bị cáo: Xử phạt Hoàng Văn G 08 (tám) năm tù; Xử phạt Nguyễn Văn V 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; Xử phạt Nguyễn Tiến T 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo.

Ngoài hình phạt chính ra cần buộc các bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền để sung quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 133 BLHS. Tuy nhiên HĐXX xét thấy các bị cáo G, T thuộc diện hộ nghèo, bị cáo V có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại anh Ngô Văn P yêu cầu bị cáo Hoàng Văn G phải bồi thường cho anh với tổng số tiền là: 15.000.000 Đ gồm (tiền mặt 5.000.000 Đ, tiền sử điện thoại 3.000.000 Đ, tiền thuốc viện phí trong những ngày nằm viện là 5.000.000 Đ). Tại pH tòa bị cáo G không nhất trí với yêu cầu của anh P mà chỉ Đ ý bồi thường số tiền bị cáo đã lấy của anh P là 2.000.000 Đ. HĐXX xét thấy anh P khai trong ví có 7.000.000 Đ, lời khai của các bị cáo và người làm chứng chỉ biết trong ví của anh P có mấy triệu nhưng không xác định được số tiền chính xác là bao nhiêu do vậy chỉ có căn cứ chấp nhận số tiền mà bị cáo G khai nhận đã lấy của anh P là 2.000.000 Đ và cần buộc bị cáo G phải bồi thường tiền sử điện thoại là 3.000.000 Đ, tiền thuốc viện phí là 5.000.000 Đ. Tổng cộng là 10.000.000 Đ là phù hợp với quy định tại Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ.

Bị hại anh Ngô Văn Đ quá trình điều tra có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 8.150.000 Đ. Tại các pH tòa trước anh Đ đã làm đơn xin rút yêu cầu không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã bị bị cáo G chiếm đoạt, do vậy HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hoàng Văn G, Nguyễn Văn V, Nguyễn Tiến T không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình

nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Hoàng Văn G, Nguyễn Tiến T, Nguyễn Văn V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Tuy nhiên, các bị cáo Hoàng Văn G, Nguyễn Tiến T thuộc diện hộ nghèo nên căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 1 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn tiền án phí hình sự phúc thẩm đối với các bị cáo G và T.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn G, Nguyễn Tiến T, Nguyễn Văn V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 133; Điều 20; Điều 53; Điều 51; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Hoàng Văn G **08 (tám) năm tù** về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2017 nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2017 đến ngày 30/8/2017.

Tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HSST ngày 01/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện L. Buộc bị cáo Hoàng Văn G phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2017 nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2017 đến ngày 30/8/2017.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 133; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Văn V **07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 28/7/2017.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 133; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Tiến T **07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 28/7/2017.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 590, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Hoàng Văn G phải bồi thường cho anh Ngô Văn P tổng số

tiền 10.000.000 Đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất 10% quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[3]Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 1 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn tiền án phí hình sự phúc thẩm đối với các bị cáo Hoàng Văn G và Nguyễn Tiến T.

Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000 Đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PH TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung